

【21】^{きょういくそうだん} 教育相談

^{たん}任の先生が一人一人の子どもと話し合う時間です。子どもたちは、自分がこまっていることや思っていることを先生に相談することができます。
(^{ほご}保護者が一緒に話すときもあります。)

① Educational Counselling

It is an time, chance, occasion hour when a classroom teacher and a student can talk face-to-face. Children can talk to their teacher about troubles at school or private thoughts. (Sometimes his/her parent joins it.)

② 教育咨询

这是班主任与每个孩子单独交流的时间。孩子们可以向老师倾诉他们遇到的任何问题或想法。(有时家长也会参与交谈。)

③ 教育諮詢

這是班導師與每個兒童單獨交流的時間。兒童們可以向老師傾訴他們遇到的任何問題或想法。(有時家長也會參與交談。)

④ Tư vấn giáo dục

Là giờ trao đổi giữa giáo viên chủ nhiệm với riêng từng em học sinh. Các học sinh nếu có rắc rối hay vấn đề khúc mắc nào sẽ có thể tư vấn với giáo viên. (cũng có trường hợp cùng với cả phụ huynh trao đổi nói chuyện).

⑤ शैक्षिक छलफल

कक्षा शिक्षक (कलास टिचर) ले बालबालिका सँग एकएक गरि कुराकानि गर्ने समय हो। बालबालिकाले आफूलाई अफ्यारो परेको कुरा लगायत मनमा लागेका कुराहरू शिक्षक सँग छलफल गर्न सकिन्छ ।(अभिभावक सँगै बसेर पनि कुराकानि गरिन्छ)

⑥ Konseling pendidikan

Wali kelas akan berbicara dengan masing-masing anak secara individu. Anak-anak dapat mendiskusikan kekhawatiran dan pemikiran mereka dengan guru mereka. (Terkadang orang tua turut serta berbicara bersama.)

